

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 762/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 11 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2018
của huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-TNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 3763/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ

Xét đề nghị của UBND huyện Đoan Hùng tại Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2018; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 192/TTr-TNMT ngày 23 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018.

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là 25.690,38ha, giảm so với diện tích trong Kế hoạch được duyệt là 1,44ha. Trong đó:

+ Đất rừng trồng sản xuất là 11.732,37ha, giảm so với diện tích trong Kế hoạch được duyệt là 1,44ha;

- Điều chỉnh đất phi nông nghiệp là 4.499,67 ha, tăng so với diện tích trong Kế hoạch được duyệt là 1,44ha. Trong đó:

+ Đất quốc phòng là 267,78ha, tăng 1,04ha so với diện tích trong Kế hoạch được duyệt;

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 60,93ha, tăng 0,40ha so với diện tích trong Kế hoạch được duyệt.

- Đất chưa sử dụng là 95,17ha, giữ nguyên so với Kế hoạch được duyệt.

Biểu chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích theo Kế hoạch SDD được duyệt	Diện tích điều chỉnh Kế hoạch SDD năm 2018	So sánh tăng, giảm
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		30.285,22	30.285,22	0
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.691,82	25.690,38	-1,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.142,54	4.142,54	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa 2 vụ trở lên</i>	LUC	2.969,99	2.969,99	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.105,86	1.105,86	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.498,05	7.498,05	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	262,72	262,72	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	609,13	609,13	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	11.733,81	11.732,37	-1,44
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	338,13	338,13	
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,58	1,58	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.498,23	4.499,67	+1,44
2.1	Đất quốc phòng	CQP	266,74	267,78	+1,04
2.2	Đất an ninh	CAN	26,09	26,09	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0	0	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0	0	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	50,99	50,99	
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	7,69	7,69	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	60,53	60,93	+0,40
2.8	Đất sử dụng hoạt động khoáng sản	SKS	0	0	
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.556,83	1.556,83	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0	0	
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	2,62	2,62	
2.12	Đất bãi thải: xử lý chất thải	DRA	12,26	12,26	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	732,19	732,19	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	36,55	36,55	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	21,48	21,48	

2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	28,41	28,41	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0	0	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,00	15,00	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	119,83	119,83	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	40,44	40,44	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	23,23	23,23	
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0	0	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,84	4,84	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.151,15	1.151,15	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	341,36	341,36	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	0	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	95,17	95,17	0

2. Danh mục công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2018:

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Sử dụng các loại đất			Địa điểm
			Cây lâu năm	Đất rừng sản xuất	Nuôi trồng thủy sản	
I	Đất quốc phòng, an ninh	1,04		1,04		
1	Mở rộng thao trường bắn của Lữ đoàn 406	1,04		1,04		Xã Minh Tiến
II	Dự án nhận CNQSD đất (đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)	0,4		0,4		
1	Cơ sở chế biến gỗ	0,4		0,4		Xã Yên Kiện
	Tổng	1,44		1,44		

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 theo quy định, tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Đoàn Hùng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đuan Hùng và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Công Thủy